

Phụ lục
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nguồn vốn/ Danh mục/Chủ đầu tư	Tổng Kế hoạch vốn giao năm 2021	Trong đó:		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Tổng Kế hoạch vốn giao năm 2021 sau điều chỉnh	Trong đó:		Ghi chú
			KH vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021	KH vốn giao năm 2021	KH vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021	KH vốn giao năm 2021		KH vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021	KH vốn giao năm 2021	
A	VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG									
	<i>Điều chỉnh giảm</i>					-1.532.769	-1.536.865			
I	UBND huyện Phù Mỹ					-300.000	-1.036.865			
1	Mở rộng mạng đường ống cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Phong, huyện Phù Mỹ	1.346.000	0	1.346.000	0	-1.036.865	309.135	0	309.135	
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND và UBND xã Mỹ Tài	300.000	300.000	0	-300.000	0	0	0	0	
II	Sở Giao thông vận tải					-211.325	-500.000			
1	Tuyến đường vào trụ sở phòng Cảnh sát đường thủy	711.325	211.325	500.000	-211.325	-500.000	-	-	-	
III	Hội LHPN tỉnh					-303.444	0			
1	Mở rộng trụ sở Hội Liên hiệp phụ nữ (HM:Nhà 02 tầng)	303.444	303.444	0	-303.444	0	0	0	0	
IV	UBND huyện Phù Cát					-718.000	0			
	Kiên cố hóa bê tông kênh mương xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát	718.000	718.000		-718.000	0		0	0	
	<i>Điều chỉnh tăng</i>					1.532.769	1.536.865			
I	UBND huyện Phù Mỹ					300.000	1.036.865			
1	Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Chánh (giai đoạn 2)	5.500.000	0	5.500.000	0	1.036.865	6.536.865	0	6.536.865	
2	Đập dâng Cây Kê, xã Mỹ Quang	1.000.000		1.000.000	300.000	0	1.300.000	300.000	1.000.000	
II	Sở Giao thông vận tải					211.325	500.000			
1	Đường kết nối với di tích tháp Chăm Dương Long	3.500.000	-	3.500.000	211.325	500.000	4.211.325	211.325	4.000.000	

TT	Nguồn vốn/ Danh mục/Chủ đầu tư	Tổng Kế hoạch vốn giao năm 2021	Trong đó:		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Tổng Kế hoạch vốn giao năm 2021 sau điều chỉnh	Trong đó:		Ghi chú
			KH vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021	KH vốn giao năm 2021	KH vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021	KH vốn giao năm 2021		KH vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021	KH vốn giao năm 2021	
III	UBND TX An Nhơn				303.444	0				
1	Trường Trung học cơ sở Nhơn Tân - Hạng mục Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	1.500.000	-	1.500.000	303.444	0	1.803.444	303.444	1.500.000	
IV	UBND huyện Phù Cát				718.000	0				
1	Trường THCS Cát Lâm, HM: NLH 02 tầng 6 phòng (04 phòng chức năng và 02 phòng học)	0	0	0	718.000	0	718.000	718.000	0	XSKT: 450 trđ
B	VỐN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT									
	<i>Điều chỉnh giảm</i>				-31.504.226	-16.040.000				
I	Sở Nông nghiệp và PTNT				0	-2.700.000				
1	Bổ sung nguồn nước các nhà máy: Nhơn Tân, Phước Sơn, khu Đông Nam Hoài Nhơn, Đông Nam Phù Cát	1.000.000	-	1.000.000	0	-1.000.000	-	-	-	
2	Mở rộng phạm vi cấp nước Vĩnh An - Bình Tường: Xây dựng tuyến ống truyền tải và phân phối nước sạch đến xã Tây Phú từ nhà máy cấp nước Vĩnh An - Bình Tường	2.500.000		2.500.000	0	-1.000.000	1.500.000	-	1.500.000	
3	Mở rộng phạm vi cấp nước Tây Giang - Tây Thuận: Xây dựng trạm bơm tăng áp và đường ống phân phối nước sạch cấp cho xã Tây Thuận (từ nhà máy nước Tây Giang - Tây Thuận)	2.100.000		2.100.000	0	-700.000	1.400.000	-	1.400.000	
II	Sở Giao thông vận tải				-268.675	-7.100.000				
1	Đường vào ga Điều Trị	10.708.620	2.273.620	8.435.000		-1.500.000	9.208.620	2.273.620	6.935.000	
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.639 (đoạn từ Cầu Thiện Chánh đến Quốc lộ 1)	8.999.650	3.807.650	5.192.000		-4.900.000	4.099.650	3.807.650	292.000	

TT	Nguồn vốn/ Danh mục/Chủ đầu tư	Tổng Kế hoạch vốn giao năm 2021	Trong đó:		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Tổng Kế hoạch vốn giao năm 2021 sau điều chỉnh	Trong đó:		Ghi chú
			KH vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021	KH vốn giao năm 2021	KH vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021	KH vốn giao năm 2021		KH vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021	KH vốn giao năm 2021	
3	Đường kết nối các điểm di tích Thành Hoàng Đế, tháp Cảnh Tiên và Đền Nam Giao, thị xã An Nhơn	3.920.503	3.920.503		-268.675		3.651.828	3.651.828	-	
4	Tuyến đường từ Đài Kính Thiên đến Lăng Mai Xuân Thưởng, huyện Tây Sơn	8.354.146	4.008.146	4.346.000		-700.000	7.654.146	4.008.146	3.646.000	
III	BQL Khu kinh tế				-31.235.551	-6.240.000				
1	Đường nối từ đường trục Khu kinh tế đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	16.321.106	16.321.106		-5.148.683		11.172.423	11.172.423	0	
2	Khu TĐC Nhơn phước giai đoạn 2 và phần mở rộng về phía bắc 15ha	3.450	3.450		-3.450		0	0	0	
3	Tuyến đường Trung tâm Lõi Đô thị thuộc Khu Đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội	31.083.418	26.083.418	5.000.000	-26.083.418	-5.000.000				
4	Hệ thống điện chiếu sáng Khu TĐC Nhơn Phước giai đoạn 1	1.240.000		1.240.000		-1.240.000				
	Điều chỉnh tăng				31.504.226	16.040.000				
I	Sở Nông nghiệp và PTNT				0	2.700.000				
1	Mở rộng phạm vi cấp nước khu Đông Nam huyện Hoài Nhơn: Xây dựng trạm bơm tăng áp, đường ống dẫn nước, phân phối nước sạch dọc tuyến đường ĐT639 và các tuyến ống nhánh phân phối (cấp nước 02 thôn: Lâm Trúc 1 là Lâm Trúc 2, xã Hoài Thanh)	2.000.000	-	2.000.000		2.700.000	4.700.000	-	4.700.000	
II	Sở Giao thông vận tải				268.675	7.100.000				
1	Đường kết nối với di tích tháp Chăm Dương Long				268.675	7.100.000	7.368.675	268.675	7.100.000	
III	BQL Khu kinh tế				26.026.616	6.240.000				

TT	Nguồn vốn/ Danh mục/Chủ đầu tư	Tổng Kế hoạch vốn giao năm 2021	Trong đó:		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Tổng Kế hoạch vốn giao năm 2021 sau điều chỉnh	Trong đó:		Ghi chú
			KH vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021	KH vốn giao năm 2021	KH vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021	KH vốn giao năm 2021		KH vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021	KH vốn giao năm 2021	
1	Hạ tầng kỹ thuật phân khu số 5 thuộc Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội (mã DA: 7663666)	0			700.813		700.813	700.813	0	
2	Hạ tầng kỹ thuật phân khu số 8 thuộc Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội (mã DA: 7663556)	0			3.907.051		3.907.051	3.907.051	0	
3	Tuyến đường ra cảng Nhơn Hội, Khu Kinh tế Nhơn Hội (mã DA: 7849428)	2.862.434	1.862.434	1.000.000		1.984.943	4.847.377	1.862.434	2.984.943	
4	Tuyến đường trục Khu kinh tế nối dài từ Km0+00 đến Vĩnh Mai Hương (mã DA: 7862946)	25.434.000		25.434.000	15.310.943	4.255.057	45.000.000	15.310.943	29.689.057	
5	Khu TĐC Nhơn Phước giai đoạn 2 và phần mở rộng về phía Bắc (mã DA: 7834068)				6.107.809		6.107.809	6.107.809		
IV	BCH Bộ đội Biên phòng				1.534.000	0		1.534.000		
1	Trạm KSBP Tam Quan - Thuộc Đồn Biên phòng Tam Quan Nam (308)	0	0	0	1.534.000	0	1.534.000	1.534.000	0	Vốn ĐTTT: 1.200 trđ; 704 trđ
V	UBND huyện Hoài Ân				3.674.935	0				
1	Trường Tiểu học Ân Nghĩa; hạng mục: Xây dựng 10 phòng học và nhà hiệu bộ	0	0	0	3.674.935	0	3.674.935	3.674.935	0	XSKT: 1.548 trđ
C	VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT									
	<i>Điều chỉnh giảm</i>				-2.040.082	-1.026.000				
I	UBND huyện Phù Cát				-2.040.082	-1.026.000				
1	Trạm Y Tế Xã Cát Thắng	1.886.924	1.886.924	0	-1.886.924	0	0	0	0	
2	Trạm Y tế xã Cát Chánh	1.026.000		1.026.000		-1.026.000	0	0	0	
3	Trường THCS Cát Hải, HM: Nhà hiệu bộ, nhà bộ môn, nhà công vụ giáo viên (02 phòng) nhà để xe máy và sân vườn (khu thể dục thể thao)	153.158	153.158	0	-153.158	0	0	0	0	
	<i>Điều chỉnh tăng</i>				2.040.082	1.026.000				

TT	Nguồn vốn/ Danh mục/Chủ đầu tư	Tổng Kế hoạch vốn giao năm 2021	Trong đó:		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Tổng Kế hoạch vốn giao năm 2021 sau điều chỉnh	Trong đó:		Ghi chú
			KH vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021	KH vốn giao năm 2021	KH vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021	KH vốn giao năm 2021		KH vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021	KH vốn giao năm 2021	
I	UBND huyện Phù Cát				2.040.082	1.026.000				
1	Trường Trung học cơ sở Cát Thắng - Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	450.000	0	450.000	798.000	0	1.248.000	798.000	450.000	
2	Trường TH số 1 Ngô Mây, HM: NLH 2 tầng 06 phòng	300.000		300.000	327.000					
3	Trường THCS Cát Lâm, HM: NLH 02 tầng 6 phòng (04 phòng chức năng và 02 phòng học)	450.000		450.000	95.000					
4	Trường TH số 1 Cát Trinh, HM: NLH 02 tầng 10 phòng	500.000		500.000	820.082	106.917				
5	Trường TH số 1 cát Tường (điểm trường Xuân Quang), HM: NLH 02 tầng 10 phòng (04 phòng chức năng và 06 phòng học)	450.000		450.000		919.083				